



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR - QT - 26  
Ngày hiệu lực : 01/12/2020  
Lần sửa đổi : 00  
Trang : 1/16

**1. Phân phối:** Bản số ...

STT	Nơi nhận	Người nhận	Ký tên
01	Ban Tổng giám đốc	Tổng Giám Đốc	
02	Ban Chỉ Đạo Phát Triển Bền Vững	Phó Ban	
03	Ban Chấp Hành Công Đoàn Công Ty	Chủ Tịch	
04	Ban Chấp Hành Đoàn Thanh Niên Công Ty	Bí Thư	
05	Tổ Chứng chỉ rừng	Thư Ký	
06	Văn Phòng Đại diện	Trưởng Phòng	
07	Phòng Tài Chính Kế Toán	Trưởng Phòng	
08	Phòng Quản Lý Chất Lượng	Trưởng Phòng	
09	Phòng Kế Hoạch XDCB	Trưởng Phòng	
11	Phòng Thanh Tra bảo vệ	Trưởng Phòng	
12	Phòng Kỹ Thuật	Trưởng Phòng	
13	Phòng Tổ chức Hành chính	Trưởng Phòng	
16	Xí nghiệp Chế biến	Giám Đốc	
23	Nông trường Bình Ba	Giám Đốc	
24	Nông trường Xà Bang	Giám Đốc	
25	Nông trường Cù Bị	Giám Đốc	

**2. Sửa đổi:**

NGÀY	TRANG	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LẦN SOÁT XÉT
		Ban hành lần đầu	00

**3. Phê duyệt:**

SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
Bà Huỳnh Thị Từ Ái	Ông Nguyễn Công Nhựt	Ông Huỳnh Quang Trung



**4. Danh sách phân phối nội bộ tại các đơn vị:**



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**


KMH: BR – QT - 26

Ngày hiệu lực : 01/12/2020

Lần sửa đổi : 00

Trang : 2/16

STT	BỘ PHẬN ĐƯỢC PHÂN PHỐI	TRÁCH NHIỆM	SỐ BẢN	KÝ NHẬN
01				
02				
03				

 Vietnam Rubber Group Baria Rubber JSC. BRRC	<b>QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV</b>	KMH: BR – QT - 26
		Ngày hiệu lực : 01/12/2020
		Lần sửa đổi : 00
		Trang : 3/14

## 5. Mục đích:

Xây dựng phương án QLRBV cho 1 chu kỳ kinh doanh cao su trên phạm vi toàn bộ diện tích của Công ty CP Cao su Bà Rịa đang quản lý tuân theo các quy định pháp luật của Việt Nam và đáp ứng được các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn QLRBV của Việt Nam (VFCS) hoặc quốc tế.

## 6. Phạm vi:

Quy trình này được áp dụng cho toàn bộ diện tích rừng và đất của Công ty CP Cao su Bà Rịa đang quản lý.

## 7. Các định nghĩa, thuật ngữ và từ viết tắt:

### 7.1 Định nghĩa, thuật ngữ

- *Quản lý rừng bền vững*: Là phương thức quản trị rừng đảm bảo đạt được các mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh (Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14).

- *Các bên liên quan*: Bất kể các cá nhân hay nhóm người hoặc tổ chức nào có thể chịu những ảnh hưởng của các hoạt động từ chủ rừng. Có thể gồm cả các đối tượng sống ở dưới hạ lưu, các cá nhân, nhóm người hoặc thực thể nằm lân cận với chủ rừng. Ví dụ: Cơ quan quản lý nhà nước; Chính quyền địa phương; Cộng đồng dân cư và người dân địa phương sống trong rừng và gần rừng; Người lao động; Cộng đồng dân cư; Doanh nghiệp trên địa bàn; Tổ chức chính trị - xã hội; Tổ chức phi chính phủ.

### 7.2. Các từ viết tắt

- QLRBV : Quản lý rừng bền vững
- BNNPTNT : Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- VFCS : Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam

## 8. Tài liệu liên quan:

- Luật Lâm nghiệp, số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định về quản lý rừng bền vững;
- Sổ tay, tài liệu hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững. Tổng cục Lâm nghiệp, 2018.

## 9. Nội dung xây dựng phương án QLRBV



## QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV

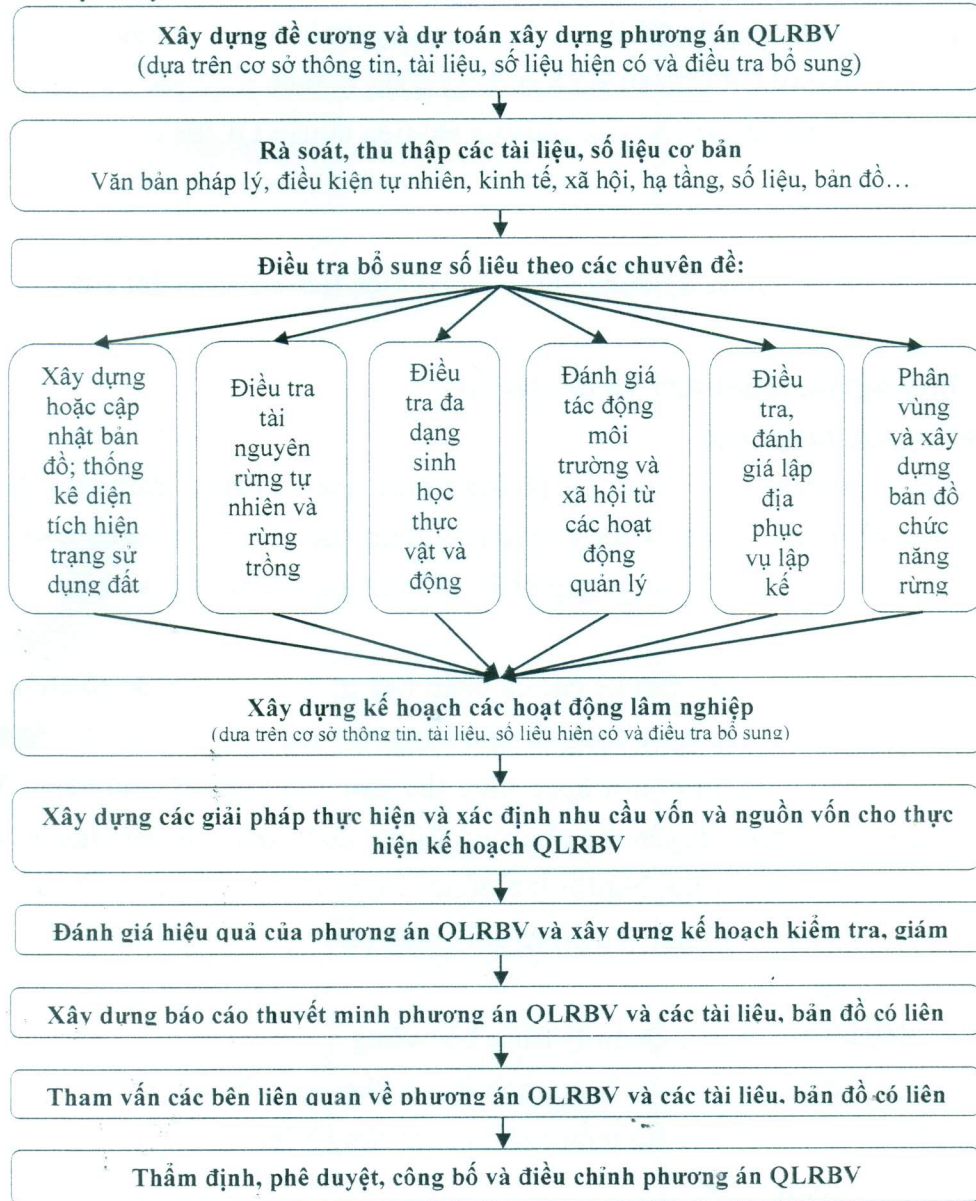
KMH: BR – QT - 26

Ngày hiệu lực : 01/12/2020

Lần sửa đổi : 00

Trang : 4/14

### 9.1. Sơ đồ thực hiện





**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR – QT - 26

Ngày hiệu lực : 01/12/2020

Lần sửa đổi : 00

Trang : 5/14

**9.2. Mô tả chi tiết**

**9.2.1. Rà soát, thu thập các tài liệu, số liệu cơ bản**

*a. Văn bản, tài liệu pháp lý liên quan*

- Các văn bản pháp lý của Chính phủ, các Bộ và địa phương liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

*b. Số liệu về điều kiện tự nhiên*

- Thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên như địa hình, thổ nhưỡng, khí tượng, thủy văn trong khu vực có diện tích đất của công ty. Các số liệu này có nguồn gốc hợp pháp và còn hiệu lực áp dụng.

*c. Số liệu về điều kiện kinh tế xã hội và giao thông*

- Thông tin về dân số, lao động, dân tộc, tôn giáo...; thu nhập bình quân đầu người, diện tích canh tác, trình độ canh tác và đánh giá nhu cầu sử dụng gỗ, nhu cầu tiêu thụ mủ cao su của người dân sở tại (cấp xã, huyện) và điều kiện giao thông. Những số liệu có độ biến động theo thời gian cần được cập nhật. Chi tiết theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

*d. Các tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị*

- Tài liệu dự án, đề án, quy hoạch thành lập đơn vị; Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ qua từng giai đoạn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao, cho thuê đất, rừng của đơn vị được cấp cổ thẩm quyền cấp.


- Các báo cáo, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích của chủ rừng quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ của đơn vị trong 3 năm liên tiếp liền kề.

- Các số liệu và bản đồ về hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, phân vùng chức năng khu vực có tầm quan trọng về sinh thái, bảo vệ đất và nguồn nước, khu vực sản xuất có rãnh xói mòn.

*e. Thu thập các thông tin hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn*

- Căn cứ số liệu của ngành thống kê và khảo sát thực tế để thu thập thông tin hoạt động kinh doanh sản phẩm từ cao su trên địa bàn có liên quan của các huyện mà có rừng của đơn vị phân bổ phục vụ cho định hướng các hoạt động của đơn vị. Các thông tin như:

- Hoạt động về chế biến, kinh doanh mủ và gỗ cao su: số lượng doanh nghiệp, chủng loại sản phẩm, công suất... Tình hình sản xuất, tiêu thụ mủ, tiêu thụ gỗ cao su tại thời điểm xây dựng phương án.

 <p>Vietnam Rubber Group Baria Rubber JSC. BRRC</p>	<b>QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV</b>	KMH: BR – QT - 26
		Ngày hiệu lực : 01/12/2020
		Lần sửa đổi : 00
		Trang : 6/14

- Hoạt động khác như cung cấp cây giống cao su, địa điểm và quy mô hoạt động.

### 9.2.2. Điều tra bổ sung số liệu theo các chuyên đề

a. Xây dựng hoặc cập nhật bản đồ và thống kê diện tích về hiện trạng sử dụng đất (theo Quy trình xây dựng bản đồ);

b. Điều tra tài nguyên rừng (theo Quy trình điều tra tài nguyên rừng);

c. Điều tra đa dạng sinh học (thực vật và động vật) (theo Quy trình điều tra đa dạng sinh học);

d. Khảo sát, đánh giá tác động môi trường từ các hoạt động quản lý rừng (theo Quy trình đánh giá tác động môi trường);

e. Khảo sát, đánh giá tác động xã hội từ các hoạt động quản lý rừng (theo Quy trình đánh giá tác động xã hội);

f. Điều tra, đánh giá, phân chia lập địa phục vụ lập kế hoạch trồng rừng (theo Quy trình điều tra, đánh giá, phân chia lập địa phục vụ lập kế hoạch trồng rừng);

g. Xây dựng bản đồ chức năng rừng (theo Quy trình xây dựng bản đồ chức năng rừng).

### 9.2.3. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất và các hoạt động kinh doanh mủ cao su

- Nguyên tắc xác định và lập kế hoạch sử dụng đất và các hoạt động kinh doanh từ cây cao su:

+ Kế hoạch sử dụng đất và các hoạt động kinh doanh từ cây cao su phải được xác định trên cơ sở tuân thủ quy định trong Luật Lâm nghiệp 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT có hiệu lực.

+ Nội dung của các hoạt động kinh doanh từ cây cao su phải phù hợp với yêu cầu của các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số có liên quan trong bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững ban hành kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

- Xác định và lập kế hoạch sử dụng đất và các hoạt động kinh doanh từ cây cao su.

#### a. Kế hoạch sử dụng đất

Thống kê kế hoạch sử dụng cho các loại đất và rừng với mục tiêu kinh doanh, khai thác mủ cao su, gỗ cao su... theo thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

#### b. Kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh từ cây cao su

- Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR – QT - 26

Ngày hiệu lực : 01/12/2020

Lần sửa đổi : 00

Trang : 5/14

**9.2. Mô tả chi tiết**

**9.2.1. Rà soát, thu thập các tài liệu, số liệu cơ bản**

*a. Văn bản, tài liệu pháp lý liên quan*

- Các văn bản pháp lý của Chính phủ, các Bộ và địa phương liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

*b. Số liệu về điều kiện tự nhiên*

- Thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên như địa hình, thổ nhưỡng, khí tượng, thủy văn trong khu vực có diện tích đất của công ty. Các số liệu này có nguồn gốc hợp pháp và còn hiệu lực áp dụng.

*c. Số liệu về điều kiện kinh tế xã hội và giao thông*

- Thông tin về dân số, lao động, dân tộc, tôn giáo...; thu nhập bình quân đầu người, diện tích canh tác, trình độ canh tác và đánh giá nhu cầu sử dụng gỗ, nhu cầu tiêu thụ mùn cao su của người dân sở tại (cấp xã, huyện) và điều kiện giao thông. Những số liệu có độ biến động theo thời gian cần được cập nhật. Chi tiết theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

*d. Các tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị*

- Tài liệu dự án, đề án, quy hoạch thành lập đơn vị; Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ qua từng giai đoạn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao, cho thuê đất, rừng của đơn vị được cấp có thẩm quyền cấp.

- Các báo cáo, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích của chủ rừng quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ của đơn vị trong 3 năm liên tiếp liền kề.

- Các số liệu và bản đồ về hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, phân vùng chức năng khu vực có tầm quan trọng về sinh thái, bảo vệ đất và nguồn nước, khu vực sản xuất có rãnh xói mòn.

*e. Thu thập các thông tin hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn*

- Căn cứ số liệu của ngành thống kê và khảo sát thực tế để thu thập thông tin hoạt động kinh doanh sản phẩm từ cao su trên địa bàn có liên quan của các huyện mà có rừng của đơn vị phân bổ phục vụ cho định hướng các hoạt động của đơn vị. Các thông tin như:

- Hoạt động về chế biến, kinh doanh mùn và gỗ cao su: số lượng doanh nghiệp, chủng loại sản phẩm, công suất... Tình hình sản xuất, tiêu thụ mùn, tiêu thụ gỗ cao su tại thời điểm xây dựng phương án.



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR – QT - 26
Ngày hiệu lực : 01/12/2020
Lần sửa đổi : 00
Trang : 7/14

- Tùy theo quy hoạch đã được phê duyệt cho từng loại rừng, hiện trạng rừng và mục tiêu quản lý của Công ty để xác định đối tượng và các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững.

- Đối tượng, kế hoạch và các biện pháp thực hiện từng hoạt động cụ thể được xác định và thực hiện theo các phụ lục tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

- Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

- Thực hiện theo quy định tại Điều 53, 56 và 60 của Luật Lâm nghiệp và Điều 13, 22 và 31 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP:

- Lập kế hoạch tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực, trong đó nêu rõ thời gian, mục tiêu, nội dung, quy mô, đối tượng và dự toán kinh phí cho giảng dạy, thực tập, tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực.

- *Kế hoạch hoạt động dịch vụ cho cộng đồng*

- Căn cứ vào tiềm năng và điều kiện cụ thể tại địa phương để xác định các loại hình dịch vụ hỗ trợ cho cộng đồng địa phương, như: cung cấp hoặc hỗ trợ sản xuất cây giống cho cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về phát triển rừng và quản lý rừng bền vững; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng.

- Lập kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động bao gồm thời gian, mục đích, quy mô, hình thức tổ chức thực hiện, dự toán kinh phí cho từng hoạt động.

- *Kế hoạch hoạt động dịch vụ môi trường rừng*

- Hoạt động dịch vụ môi trường rừng được quy định chi tiết trong Mục 4 của Luật Lâm nghiệp 2017 và Chương V của Nghị định 156/2018/NĐ-CP.

- *Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng*

- Lập kế hoạch các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.


- *Kế hoạch chế biến, thương mại mủ cao su và các hoạt động kinh doanh khác*

- Lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Kế hoạch theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, kiểm kê rừng*

- Xây dựng kế hoạch điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, trong đó nêu cụ thể phương pháp thực hiện, yêu cầu số liệu, nguồn lực để thực hiện theo quy định trong Mục 5 của Luật Lâm nghiệp 2017, Thông tư số 33/2018/TTBNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.



 Vietnam Rubber Group Baria Rubber JSC. BRRC	<b>QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV</b>	KMH: BR – QT - 26
		Ngày hiệu lực : 01/12/2020
		Lần sửa đổi : 00
		Trang : 8/14

- Kết quả đánh giá hàng năm được tổng hợp theo quy định tại phụ lục Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

**9.2.4. Xác định các giải pháp thực hiện**

- a. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực;
- b. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan;
- c. Giải pháp về khoa học, công nghệ;
- d. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực;
- e. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư;
- f. Giải pháp về thị trường;
- g. Giải pháp khác.

**9.2.5. Xác định nhu cầu vốn và nguồn vốn cho thực hiện kế hoạch QLRBV:**

*a) Xác định nhu cầu vốn*

- Căn cứ vào các định mức của Bộ NN và PTNT, khối lượng công việc theo kế hoạch đã xác định để dự toán nhu cầu vốn cho thực hiện kế hoạch các hoạt động QLRBV: Bảo vệ rừng; Phát triển rừng; Nghiên cứu khoa học, đào tạo, tập huấn; Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; Dịch vụ cho cộng đồng; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; Chế biến, thương mại lâm sản; Theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, kiểm kê rừng; Các hoạt động khác (nếu có).

*b) Xác định nguồn vốn*

- Xác định rõ nguồn vốn thực hiện cho từng hoạt động cụ thể bao gồm những hoạt động thuộc chính sách đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng quy định trong Chương VI của Nghị định 156/2018/NĐ-CP, nguồn vốn đầu tư của đơn vị và nguồn thu hút đầu tư từ bên ngoài.

**9.2.6. Đánh giá hiệu quả của phương án**

*a) Hiệu quả về kinh tế*

- Căn cứ vào kế hoạch hoạt động để dự tính giá trị sản phẩm thu được từ các hoạt động quản lý rừng.

- Căn cứ vào kế hoạch hoạt động để dự tính tăng vốn rừng (diện tích, trữ lượng rừng trồng).

- Căn cứ vào kế hoạch hoạt động để dự tính giá trị kinh tế thu từ các dịch vụ: cây con, môi trường rừng, chế biến thương mại lâm sản, du lịch sinh thái...

*b) Hiệu quả về xã hội*



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR – QT - 26

Ngày hiệu lực : 01/12/2020

Lần sửa đổi : 00

Trang : 9/14

- Căn cứ vào kết quả đánh giá tác động xã hội và các biện pháp giảm thiểu tác động xã hội của phương án đề tiên lượng các tác động tích cực (giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập của người dân, nâng cao năng lực, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng...) và tác động tiêu cực (các tác động tới đời sống, sức khỏe, môi trường, và các vấn đề xã hội khác) từ việc thực hiện phương án QLRBV.

*c) Hiệu quả về môi trường*

- Căn cứ vào kết quả đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của phương án đề tiên lượng các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và sinh thái; tăng độ che phủ của rừng, tác dụng của việc bảo vệ các khu vực loại trừ và thực hiện khai thác tác động thấp.

**9.2.7. Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá**

- Xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá cụ thể đối với các hoạt động kinh doanh từ cây cao su; nêu rõ các chỉ số giám sát, đánh giá; quy trình, biểu mẫu ghi chép các chỉ số giám sát và đánh giá phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững; phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá và báo cáo.

- Xây dựng hệ thống quản lý và lưu trữ hồ sơ kinh doanh rừng, bao gồm hệ thống quản lý hồ sơ tài nguyên rừng, hệ thống quản lý hồ sơ các hoạt động kinh doanh từ cây cao su và hệ thống quản lý hồ sơ lâm sản từ khâu khai thác, vận chuyển, chế biến (nếu có) và bán sản phẩm để đảm bảo có thể truy xuất nguồn gốc gỗ và mủ cao su.

**9.2.8. Mẫu báo cáo thuyết minh (Phụ lục 1)**

**9.2.9. Phê duyệt phương án**

a. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án QLRBV là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

b. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án QLRBV:


- Tờ trình của Công ty đề nghị phê phương án QLRBV (Phụ lục 2);
- Phương án QLRBV theo quy định (Phụ lục 1);
- Các loại bản đồ theo quy định.

Hồ sơ trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận phê duyệt phương án QLRBV Công ty

**10. Điều chỉnh phương án QLRBV**

**10.1. Căn cứ điều chỉnh phương án QLRBV:**

- Theo kết quả giám sát, đánh giá thực hiện phương án QLRBV hàng năm để xác định các nội dung của phương án cần được điều chỉnh.

 <p>Vietnam Rubber Group Baria Rubber JSC. BRRC</p>	<b>QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV</b>	KMH: BR – QT - 26
		Ngày hiệu lực : 01/12/2020
		Lần sửa đổi : 00
		Trang : 10/14

- Theo những yêu cầu khách quan như chỉ đạo điều chỉnh định hướng sản xuất của cấp trên, các rủi ro về thiên tai.

- Cập nhật những thông tin về khoa học, kỹ thuật, thị trường sản phẩm...

### 10.2. Quy trình điều chỉnh:

- Xác định các nội dung cần điều chỉnh.

- Lập kế hoạch thực hiện, giám sát, đánh giá các nội dung điều chỉnh tương tự như xây dựng phương án.

- Chỉnh sửa vào trong phương án QLRBV.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 11. Tổ chức thực hiện

- Tổ Chức chỉ rừng (CCR) chủ trì phối hợp với các phòng/ban, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm lập kế hoạch và xây dựng phương án QLRBV, các phòng ban khác cung cấp các thông tin có liên quan.

- Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thẩm định, phê duyệt phương án QLRBV theo Quy trình này.


- Các phòng và đơn vị giám sát, đánh giá các hoạt động QLRBV đã được phê duyệt.

- Hằng năm vào tháng 12, Công ty báo cáo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về kết quả thực hiện phương án QLRBV theo Phụ lục 3 kèm theo Quy trình này.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Ban chỉ đạo PTBV, các phòng ban, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ban Tổng Giám đốc và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam để nghiên cứu, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung./.

### 12. Lưu hồ sơ:

Stt	Tên hồ sơ	Trách nhiệm lưu hồ sơ	Phương pháp lưu hồ sơ	Thời gian
1	Tờ trình của Công ty đề nghị phê phương án QLRBV	Ban VFCS, và bộ phận liên quan	Văn bản, File mềm	10 năm
2	Phương án QLRBV	Ban VFCS, và bộ phận liên quan	Văn bản, File mềm	10 năm
3	Kế hoạch điều chỉnh phương án QLRBV	Ban VFCS, và bộ phận liên quan	Văn bản, File mềm	10 năm
4	Các loại bản đồ	Ban VFCS, và bộ phận liên quan	Văn bản, File mềm	10 năm

 Vietnam Rubber Group Baria Rubber JSC. BRRC	<b>QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV</b>		KMH: BR – QT - 26	
			Ngày hiệu lực : 01/12/2020	
			Lần sửa đổi : 00	
			Trang : 11/14	
5	Các báo cáo chuyên đề	Ban VFCS, và bộ phận liên quan	Văn bản, File mềm	10 năm
6	Các biểu mẫu báo cáo	Ban VFCS, và bộ phận liên quan	Văn bản, File mềm	10 năm

### 13. Phụ lục các biểu mẫu mà qui trình có sử dụng

- Mẫu phương án QLRBV : PL1/QT-QLCT
- Tờ trình phê duyệt phương án QLRBV : PL2/QT-QLCT
- Báo cáo kết quả thực hiện phương án QLRBV : PL3/QT-QLCT

#### Phụ lục 1

#### MẪU PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(tham khảo phụ lục II, Thông tư 28)

(theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

#### Phụ lục 2

#### TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP  
TRÊN

TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

Số: /TTr-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

#### TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng cao su

Kính gửi: ..... (1).....

Căn cứ Thông-tư số /2018/TT-BNNPTNT ngày .../.../2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững, đề nghị  
.....(1)..... xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng cao su như sau:

1. Tên chủ rừng: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Hiện trạng tài nguyên rừng, đất đai và kết quả quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hiệu quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng (nêu tóm tắt nội dung).
4. Mục tiêu Phương án: (nêu tóm tắt các mục tiêu).



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR – QT - 26
Ngày hiệu lực : 01/12/2020
Lần sửa đổi : 00
Trang : 12/14

5. Hiện trạng sử dụng đất đai, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, công tác quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, sản xuất, kinh doanh (nêu tóm tắt nội dung).
6. Kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo tồn, sản xuất, kinh doanh; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của phương án (nêu tóm tắt nội dung).
7. Giải pháp và tổ chức thực hiện Phương án (nêu tóm tắt nội dung).  
(có phương án quản lý rừng bền vững và bản đồ kèm theo)  
Kính trình.....(1)..... xem xét, phê duyệt phương án./.

**Nơi nhận:**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: (1) cơ quan tiếp nhận, phê duyệt phương án của chủ rừng.*

**Phụ lục 3**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**  
(theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

Đơn vị báo cáo: .....

Ngày báo cáo: .....

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

STT	Chi tiết	Kế hoạch	Kết quả/ tỷ lệ đạt/ đánh giá
<b>I</b>	<b>Hiệu quả môi trường</b>		
1	Tổng diện tích rừng được quản lý (ha)		
-	Diện tích rừng trồng		
2	Độ che phủ rừng (%)		
3	Bảo tồn đa dạng sinh học		
-	Số loài thực vật rừng		



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMH: BR – QT - 26  
 Ngày hiệu lực : 01/12/2020  
 Lần sửa đổi : 00  
 Trang : 13/14

-	Số loài động vật rừng		
5	Phòng chống xói mòn, sạt lở đất (ha).		
6	Sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật		
7	Thu gom, xử lý rác thải		
....	.....		
<b>II</b>	<b>Hiệu quả xã hội</b>		
1	Lao động có việc làm và có thu nhập ổn định		
2	Số hộ gia đình được nhận khoán bảo vệ rừng, trồng rừng		
3	Giá trị lâm sản ngoài gỗ người dân được hưởng lợi		
-	Gỗ làm nhà, làm đồ gia dụng		
-	Lâm sản ngoài gỗ tre nứa		
-	...		
4	Phúc lợi xã hội được xây dựng, hoặc sửa chữa, nâng cấp		
-	Sửa chữa đường		
...	...		
<b>III</b>	<b>Hiệu quả kinh tế</b>		
1	Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng		
2	Khối lượng sản phẩm gỗ chế biến (chủ rừng sản xuất)		
3	Khối lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ (chủ rừng sản xuất)		
4	Doanh thu và lợi nhuận (chủ rừng sản xuất)		
..	.....		

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG  
THEO TIÊU CHÍ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

STT	Nội dung	Kế hoạch	Kết quả/ tỷ lệ đạt/ đánh giá
1	Thực hiện kế hoạch quản lý bảo vệ rừng		
-	Kế hoạch bảo vệ rừng		
-	Kế hoạch khoanh nuôi rừng		
-	Kế hoạch nuôi dưỡng rừng		



**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH  
PHƯƠNG ÁN QLRBV**

KMh: BR – QT - 26
Ngày hiệu lực : 01/12/2020
Lần sửa đổi : 00
Trang : 14/14

-	Kế hoạch làm giàu rừng		
-	Kế hoạch trồng rừng		
-	Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng		
-	Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ		
-	Kế hoạch chế biến, tiêu thụ gỗ, sản phẩm gỗ (chủ rừng sản xuất)		
-	Kế hoạch hạ tầng giao thông.		
-	...		
2	Thực hiện quy chế khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ		
3	Thực hiện quy trình, quy phạm khai thác (phù hợp với chủ rừng)		
-	Xây dựng đường; bãi gỗ		
-	Gốc chặt đúng tiêu chuẩn		
-	Khai thác đúng cây bài chặt		
-	Số lượng cây đố gãy		
-	Vệ sinh rừng sau khai thác		
-	...		
4	Sản lượng khai thác rừng trồng so với kế hoạch		
5	Chuyển đổi giữa các loại rừng và chuyển sang mục đích khác		
6	Sử dụng các chế phẩm sinh học		
7	Hóa chất sử dụng trong quản lý bảo vệ rừng		
8	Tăng trưởng, tái sinh rừng		
9	Những thay đổi của hệ động, thực vật rừng		
10	Những tác động môi trường và xã hội của hoạt động lâm nghiệp.		
11	.....		
	Đánh giá chung		

.....ngày.....tháng.....năm.....  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**